CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP VKC Holdings

Ngày 31/12/2025	900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**-**	**12.5%**

DT thuần
Q4/25
6.80
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.83| -21.2%
YoY: ▼0.53| -7.2%

LN thuần
Q4/25
-11.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.50| 11.4%
YoY: ▲ 12.7| 51.7%

LN sau thuế
Q4/25
-12.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.50| 11.1%
YoY: ▲ 10.1| 45.5%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
-76.7%
YoY: +/-▲ 371%

ROE
2025
20.4%
YoY: +/-▼ 76.9%

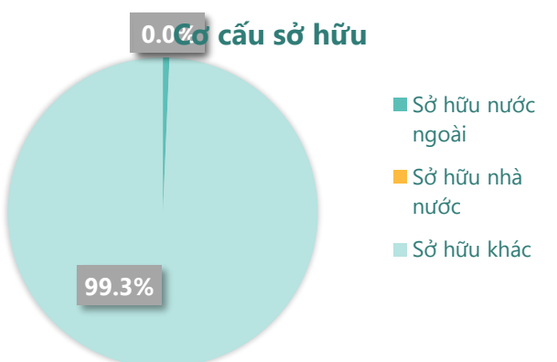
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	600 - 1,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	17
Số lượng CPLH (CP)	19,279,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	11,315
Sở hữu nước ngoài	0.7%
Beta	0.24
EPS	-2,844
P/E	-0.3

DT thuần
2025
26.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.10| 4.5%

LN thuần
2025
-51.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 108| 67.7%

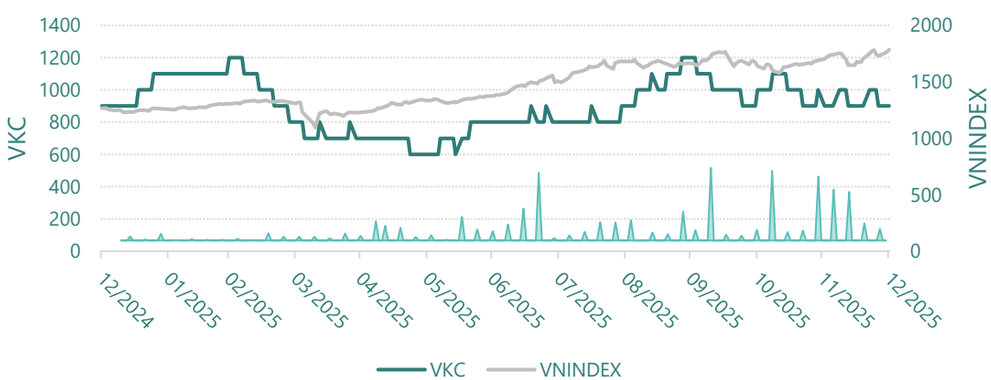
LN sau thuế
2025
-54.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 104| 65.3%

Cơ cấu sở hữu

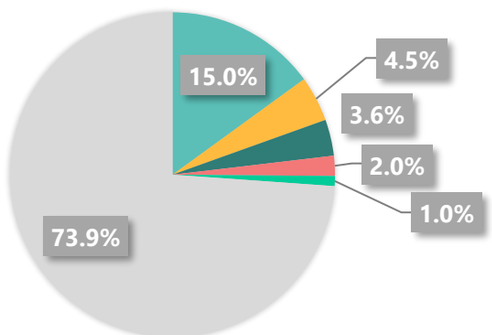


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

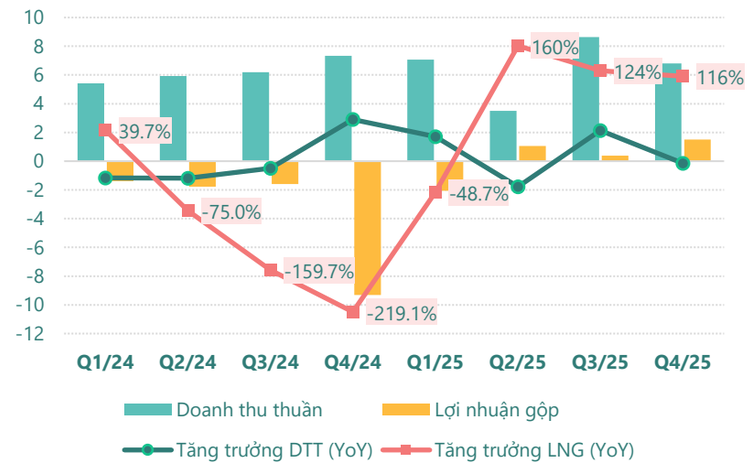




(Nguồn: fireant.vn)

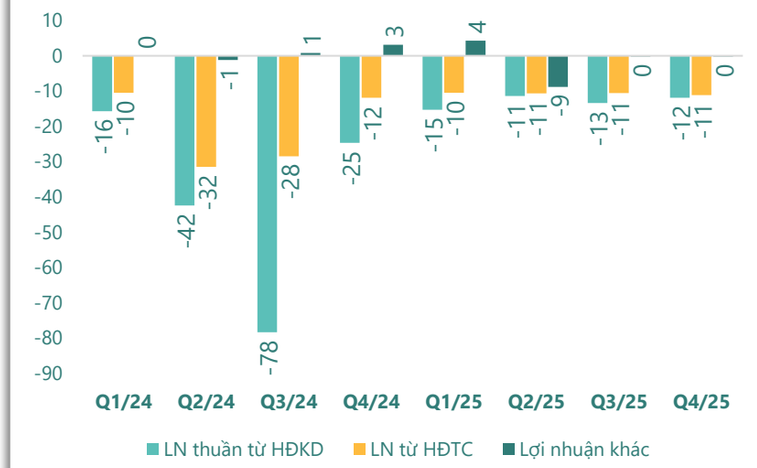
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



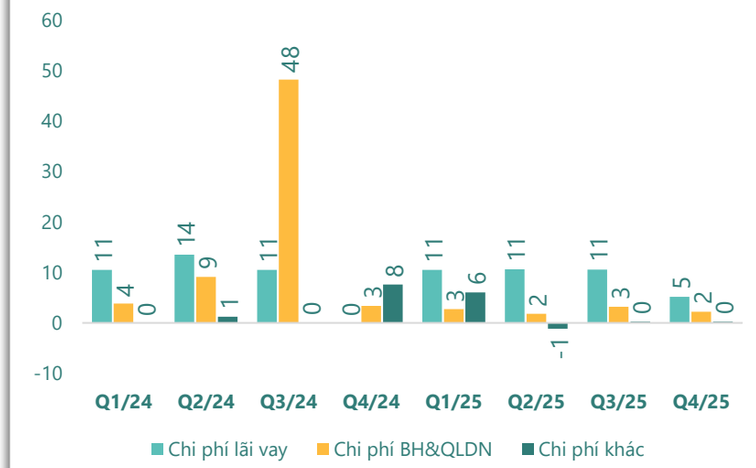
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



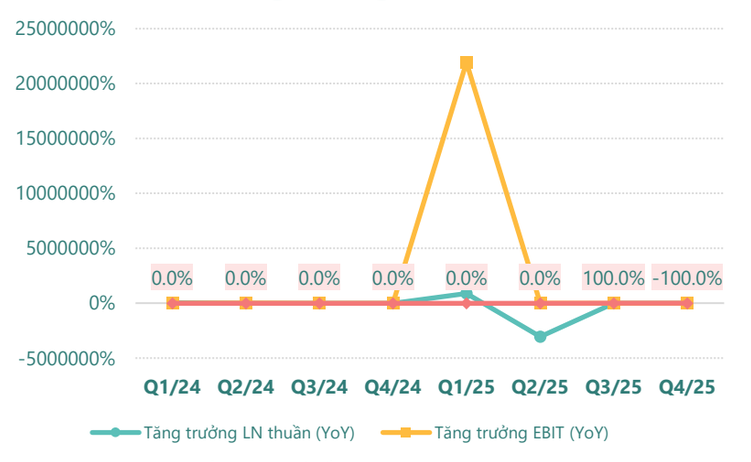
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



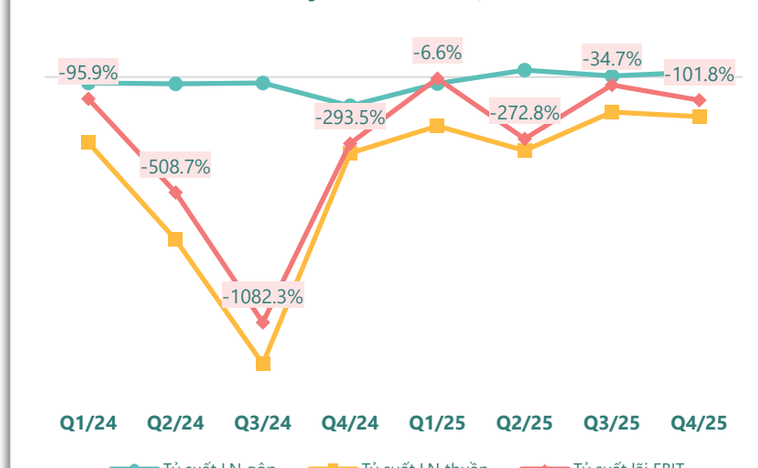
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



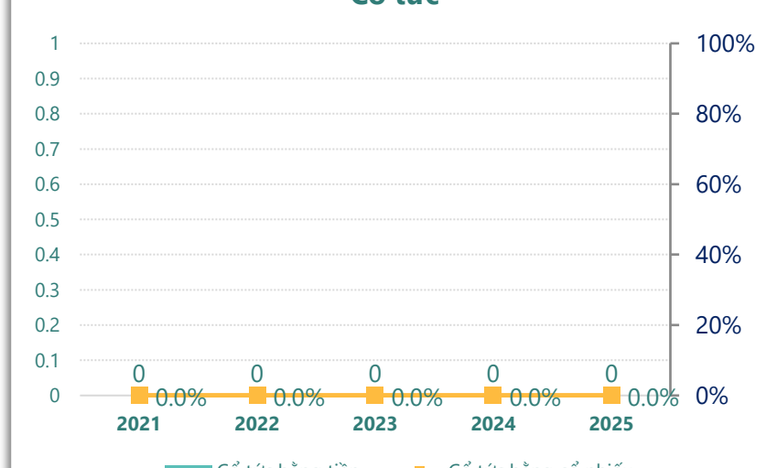
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

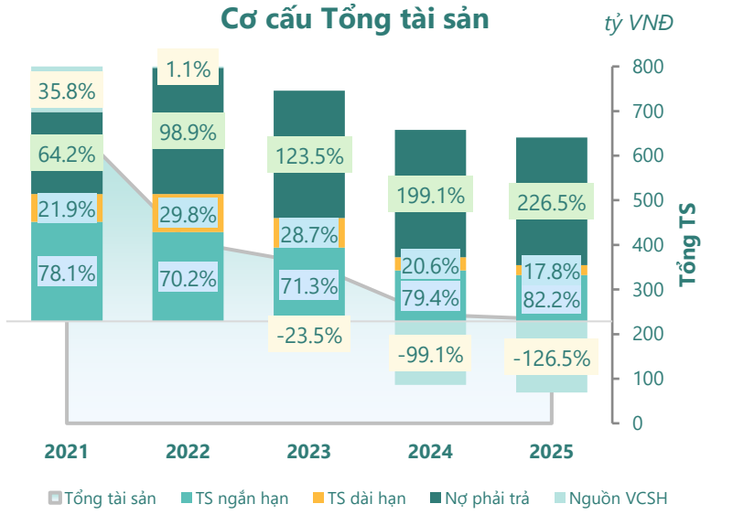
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

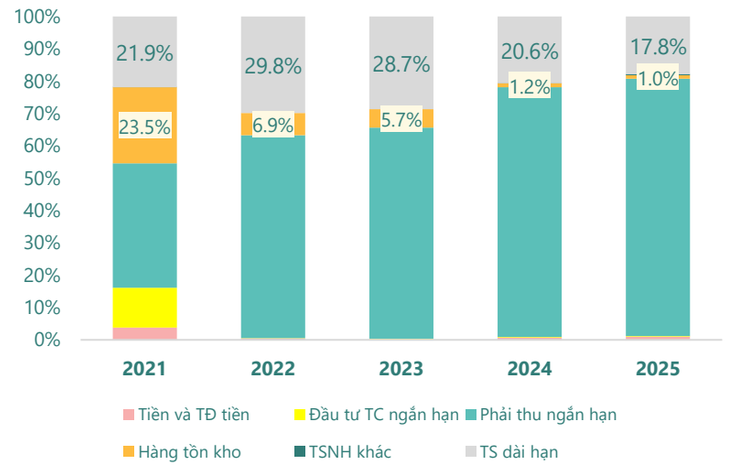
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



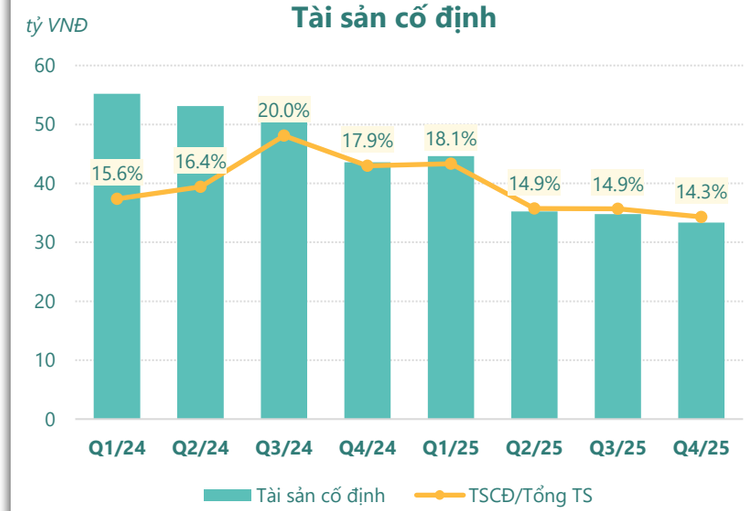
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



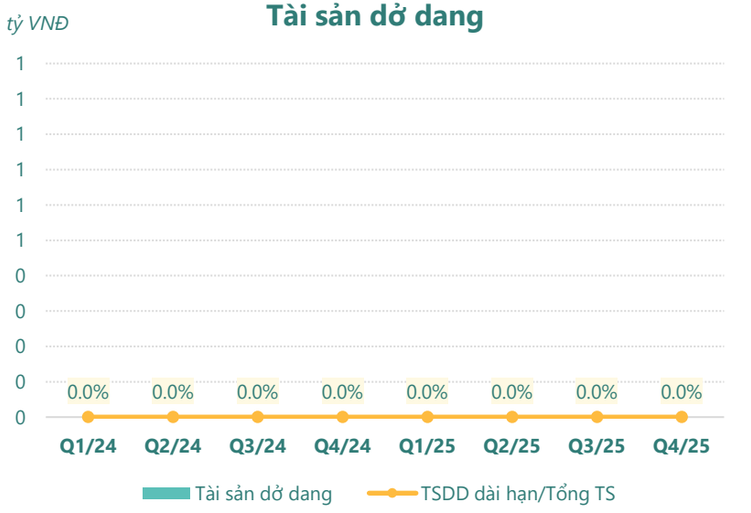
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



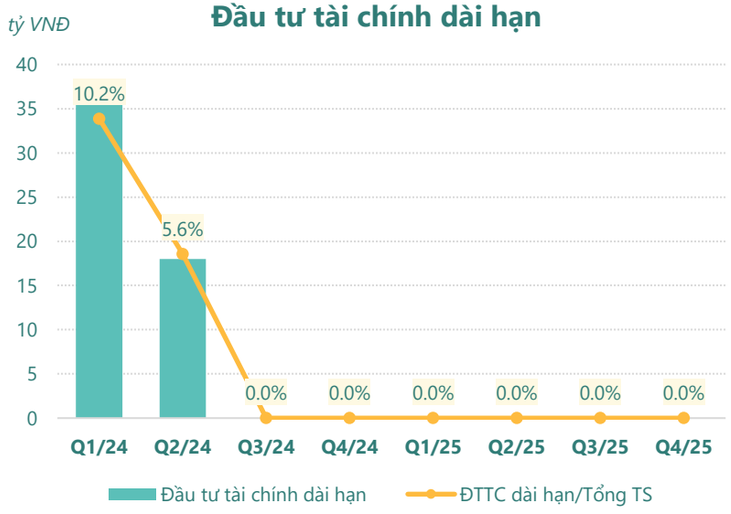
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



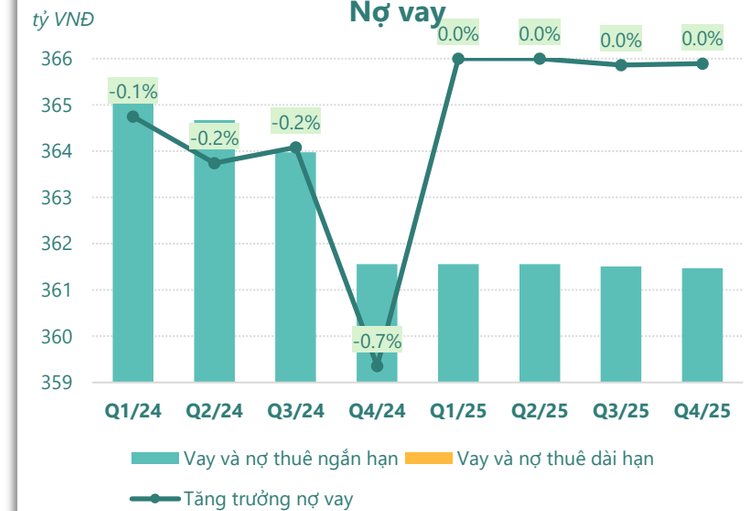
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

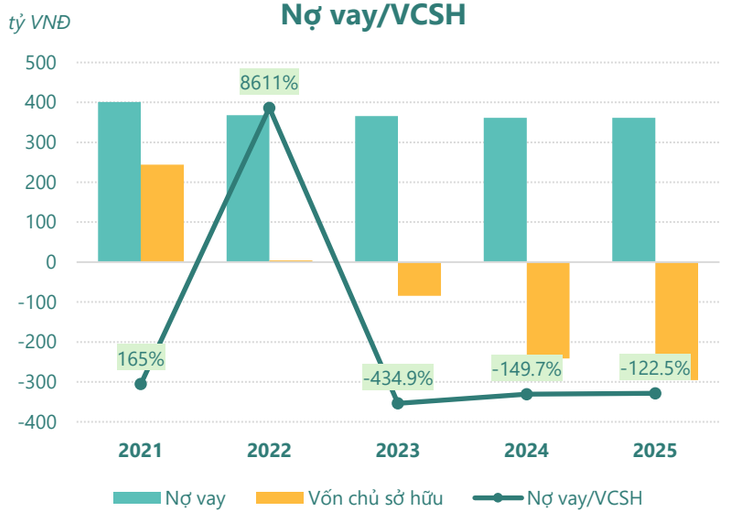
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

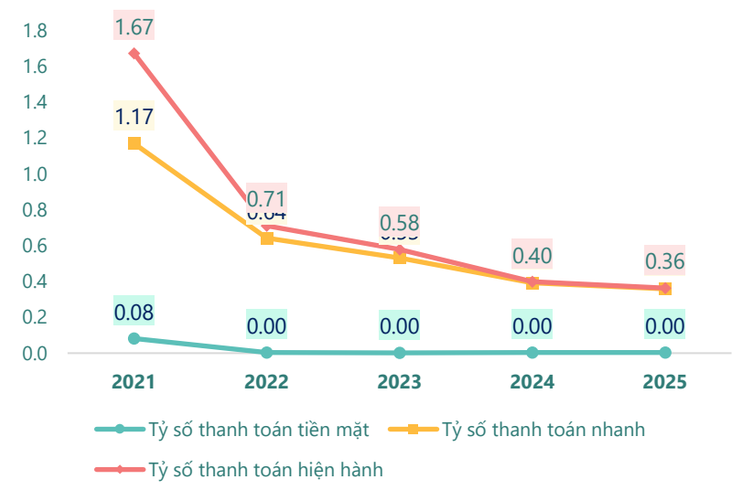
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



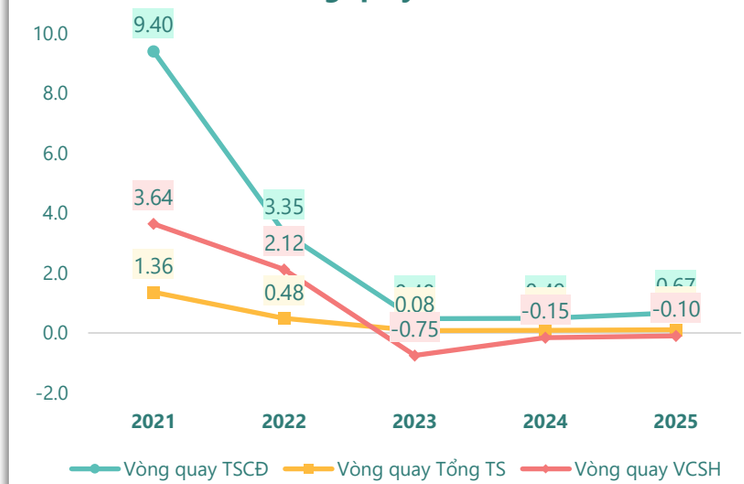
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



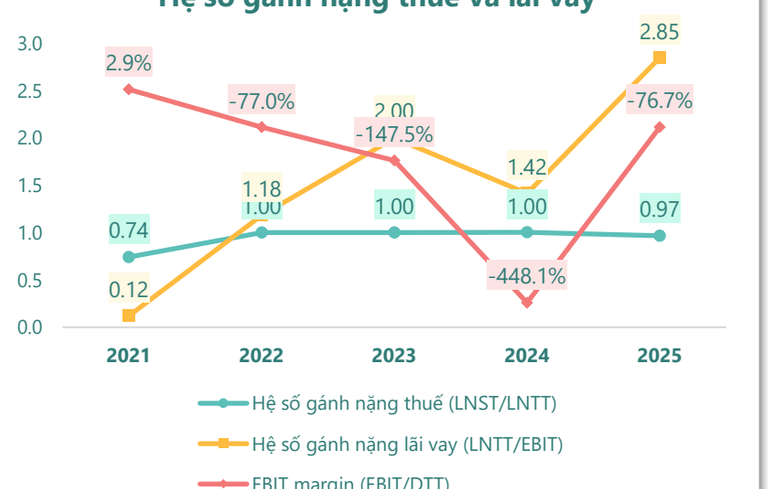
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



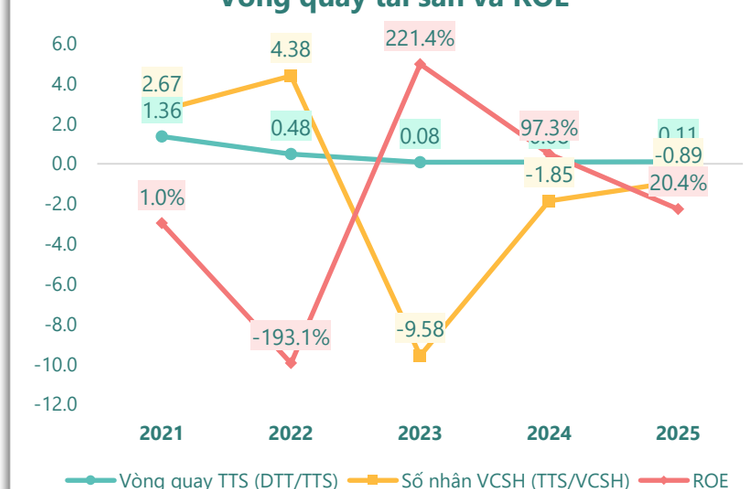
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



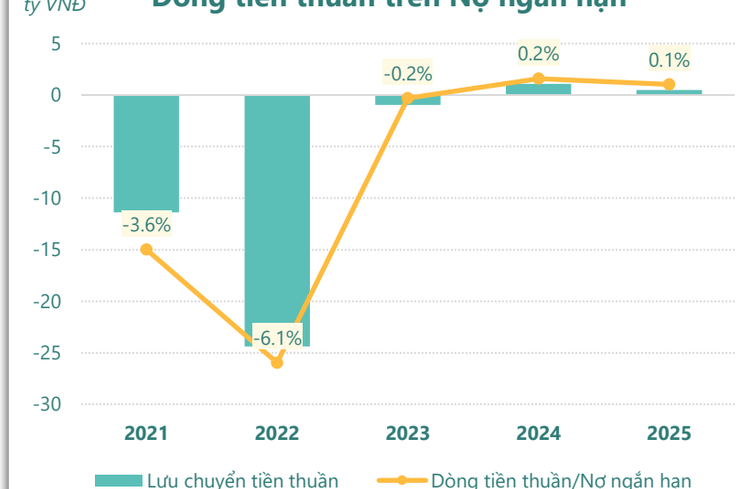
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**6.80**	**7.33**	**-7.2%**	**26.0**	**24.9**	**4.5%**
Giá vốn hàng bán	5.29	16.7	-68.3%	25.1	38.9	-35.6%
Lợi nhuận gộp	1.51	-9.32	116%	0.91	-14.1	106%
Doanh thu HĐTC	0.01	0.01	-45.4%	0.03	0.04	-13.3%
Chi phí TC	11.2	11.9	-6.2%	42.9	82.5	-48.0%
Chi phí lãi vay	5.16	0.00		36.9	46.5	-20.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.30	1.03	-71.3%	2.12	4.04	-47.5%
Chi phí QLDN	**1.94**	**2.37**	**-18.3%**	**7.84**	**59.9**	**-86.9%**
LN thuần từ HĐKD	-11.9	-24.6	51.7%	-51.9	-160	67.7%
Lợi nhuận khác	**-0.21**	**3.11**	**-107%**	**-4.92**	**2.55**	**-292%**
LN trước thuế	-12.1	-21.5	43.8%	-56.8	-158	64.0%
Lợi nhuận sau thuế	**-12.1**	**-22.2**	**45.5%**	**-54.9**	**-159**	**65.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-12.1**	**-22.2**	**45.5%**	**-54.8**	**-159**	**65.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.32	2.16	-2.75	2.39	-1.00	1.34
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	-2.90	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.70	0.78	1.96	-1.36	-0.05	-0.05
Tiền đầu kỳ	2.11	1.73	1.77	0.98	2.01	0.95
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.38**	**0.04**	**-0.79**	**1.03**	**-1.05**	**1.29**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.73	1.77	0.98	2.01	0.95	2.25

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**233**	**244**	**-4.3%**
Tài sản ngắn hạn	192	194	-0.9%
Tiền và tương đương tiền	2.25	1.77	27.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.51	0.51	0.0%
Phải thu ngắn hạn	186	188	-1.4%
Hàng tồn kho	2.37	2.94	-19.2%
Tài sản ngắn hạn khác	1.02	0.01	15491%
Tài sản dài hạn	**41.5**	**50.3**	**-17.6%**
Phải thu dài hạn	5.92	5.92	0.0%
Tài sản cố định	33.3	44.3	-24.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**2.19**	**0.14**	**1437%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	529	485	8.9%
Nợ ngắn hạn	**528**	**485**	**8.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	361	362	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	7.56	7.43	1.7%
Nợ dài hạn	0.12	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-295**	**-242**	**-22.2%**
Vốn chủ sở hữu	**-295**	**-242**	**-22.2%**
Vốn điều lệ	200	200	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)